

Số: /BC-SNN

Bình Định, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính 06 tháng đầu năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2021

Căn cứ Công văn số 352/SNV-CCHCVTLT ngày 05/03/2021 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2021; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC) 06 tháng đầu năm 2021, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh năm 2021; Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 04/QĐ-SNN ngày 05/01/2021 về Kế hoạch CCHC năm 2021, xác định các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021; đã đôn đốc hướng dẫn, chỉ đạo 07/07 chi cục trực thuộc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Tiếp tục chỉ đạo cho các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 8362/CT-BNN-TCCB ngày 04/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Chỉ thị số 23/CT-UBND ngày 11/10/2016 của UBND tỉnh về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu về CCHC và chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan nhà nước các cấp; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính; Sở Nông nghiệp và PTNT kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm năm 2021¹.

Thực hiện Công văn số 1327/UBND-KSTT ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Văn bản số 609/SNN-TCCB ngày

¹ Kế hoạch số 04/KH- SNN ngày 26/1/2021 về Ứng dụng Công nghệ thông tin và đảm bảo an toàn thông tin mạng; Kế hoạch số 05/KH- SNN ngày 27/1/2021 về Phổ biến, giáo dục pháp luật; Quyết định số 54/QĐ-SNN ngày 01/02/2021 về việc kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trong năm 2021

24/3/2021 về triển khai các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trên địa bàn tỉnh về đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; sử dụng chữ ký số để xử lý công việc trên môi trường điện tử; tiến hành rà soát, đăng ký thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, đảm bảo tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tổng số thủ tục hành chính đạt tối thiểu 50%.

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

Lãnh đạo Sở quan tâm đơn đốc, quán triệt toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong các cuộc họp thường xuyên kiểm tra và thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra trong Quyết định số 04/QĐ-SNN ngày 05/01/2021.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Thực hiện theo Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 03/3/2021 về Tuyên truyền công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2021; Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 116/QĐ-SNN ngày 08/3/2021 về Ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021.

Để triển khai công tác tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021 của Sở đạt hiệu quả cao; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Văn bản chỉ đạo Chi cục Thủy sản tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm 2021 đến các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tại Văn bản số 510/SNN-TCCB ngày 12/3/2021.

Thường xuyên cập nhật, đăng tin, bài về công tác cải cách hành chính của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Quyết định của UBND tỉnh trên bản tin Sản xuất và Thị trường của Sở và trên website <http://snnptnt.binhdingh.gov.vn>.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

- Về tham mưu ban hành Văn bản: Trong 6 tháng đầu năm 2021, Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành các văn bản²

² Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về kế hoạch phòng chống dịch bệnh động vật năm 2021 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 về ban hành kế hoạch bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh năm 2021; Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 03/2/2021, Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 24/05/2021 phê duyệt kế hoạch các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021; Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 04/2/2021 về kế hoạch hành động đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 24/3/2021 triển khai thực hiện Chương trình trồng mới một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 11/05/2021 ban hành kế hoạch thực thi Luật Thủy sản năm 2017

- Về kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành: Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành các Văn bản chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định³

2. Cải cách thủ tục hành chính

Quản triệt, đôn đốc trách nhiệm của cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ kiểm soát TTHC tại các cơ quan, đơn vị thực hiện Quyết định 03/2021/QĐ-UBND ngày 09/2/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Trong 06 tháng đầu năm 2021, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 04 Quyết định công bố với 10 TTHC (trong đó: ban hành mới: 01 TTHC; chuẩn hóa 07 TTHC; bãi bỏ 02 TTHC)⁴ và 03 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 06 TTHC liên thông và 01 TTHC không liên thông thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và PTNT⁵.

Thực hiện Công văn số 1327/UBND-KSTT ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã thực hiện đăng ký danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đảm bảo chỉ tiêu: *“Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tổng số thủ tục hành chính đạt tối thiểu 50% tại mỗi cơ quan, đơn vị”* tại Công văn số 673/SNN-TCCB ngày 01/4/2021; Công văn số 898/SNN-TCCB ngày 26/4/2021

Trong 6 tháng đầu năm 2021, tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận 3.615, trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 3.496 (trực tuyến: 3.073; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 423); số từ kỳ trước chuyển qua: 119. Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 3.493; trong đó, giải quyết trước hạn: 3.491, đúng hạn: 02, quá hạn: 0. Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 122; trong đó, trong hạn: 122, quá hạn: 0

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Về công tác tổ chức bộ máy: Nhằm tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Sở phân định cụ thể chức năng, phạm vi quản lý, tổ chức lại cơ cấu bên trong của sở nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý theo Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 31/12/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 120/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 31/12/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sắp xếp, tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

³ Văn bản số 3026/SNN-VP ngày 25/12/2020; Văn bản số 986/SNN-VP ngày 07/5/2021; Văn bản số 1237/SNN-VP ngày 02/6/2021.

⁴ Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 18/3/2021; Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 23/4/2021; Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 5/5/2021; Quyết định số 2194/QĐ-UBND ngày 01/6/2021.

⁵ Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 9/3/2021; Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 13/5/2021; Quyết định số 1993/QĐ-UBND ngày 17/5/2021.

- Về công tác quản lý biên chế: Thực hiện Văn bản số 2085/SNV-TCBC ngày 28/12/2020 của Sở Nội vụ về việc thông báo và hướng dẫn thực hiện biên chế năm 2021, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-SNN ngày 11/01/2021 về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế năm 2021, giao chỉ tiêu biên chế công chức, biên chế sự nghiệp, chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đến từng cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Trong 6 tháng đầu năm 2021, bổ nhiệm mới 02 lãnh đạo Sở; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với 04 lãnh đạo cấp phòng và tương đương trực thuộc Sở.

Sở đã có văn bản cử công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng cụ thể:

- Lý luận chính trị: đào tạo Cao cấp lý luận chính trị 06 người (01 công chức, 05 viên chức); đào tạo Trung cấp lý luận chính trị 12 người (07 công chức, 05 viên chức).

- Quản lý nhà nước: Bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính: 06 người (công chức: 05 người, viên chức 01 người).

- Các lớp bồi dưỡng: Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp Sở và tương đương 04 người (02 công chức, 02 viên chức).

- Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 3: 08 người (06 công chức, 02 viên chức).

Thực hiện Công văn số 358/SNV-CCVC, ngày 09/3/2021 của Sở Nội vụ về việc thỏa thuận kế hoạch và nhu cầu tuyển dụng viên chức năm 2021, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Kế hoạch số 11/KH-SNN ngày 11/3/2021 về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị trực thuộc Sở.

5. Cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

Tổ chức thực hiện công khai tài chính: việc công khai ngân sách ở các đơn vị sử dụng ngân sách hiện nay đã dần đi vào nề nếp, có nhiều chuyển biến, cơ bản đáp ứng theo quy định về công khai ngân sách nhà nước theo Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Hiện đại hóa hành chính

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Bình Định. Trong 6 tháng đầu năm 2021, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành các Quyết định, Kế hoạch và công văn chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực

hiện Ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp nhận, xử lý và ký nháy số văn bản điện tử trên hệ thống văn phòng điện tử tại đơn vị⁶.

Thực hiện Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành các quyết định hướng dẫn công chức, viên chức thực hiện công tác văn thư lưu trữ và lập hồ sơ công việc⁷

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015 nhằm hệ thống hóa quy trình xử lý công việc hợp lý, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn⁸.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Trong thời gian qua công tác CCHC luôn được Lãnh đạo Sở quan tâm, chỉ đạo kịp thời, thực hiện CCHC của Sở bám sát Kế hoạch đã ban hành của UBND tỉnh. Tiếp tục cập nhật, rà soát Danh mục TTHC mới ban hành, TTHC thay thế, TTHC bị bãi bỏ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố để báo cáo UBND tỉnh quyết định công bố, triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh; thực hiện tốt việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đúng hạn. Thực hiện cải cách tài chính công và chỉ đạo công khai minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách trong hoạt động quản lý nhà nước của Sở. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý của Sở đúng chỉ đạo của UBND tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

Chưa có giải pháp hoặc sáng kiến về công tác cải cách hành chính được áp dụng hiệu quả.

Công tác tuyên truyền phổ biến về CCHC chưa được thường xuyên, phần lớn người dân chưa nắm vững những thủ tục hành chính khi có nhu cầu giải quyết công việc.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 06 THÁNG CUỐI NĂM 2021

1. Tiếp tục chỉ đạo xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2021 của tỉnh, của Sở như: Kế hoạch cải cách hành chính; Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Kế hoạch ứng dụng CNTT...

⁶ Kế hoạch số 03/KH-SNN ngày 26/01/2021; Kế hoạch số 04/KH-SNN ngày 26/01/2021; Quyết định 262/QĐ-SNN ngày 12/4/2021; Văn bản số 1066/SNN-VP ngày 17/5/2021.

⁷ Quyết định số 881/QĐ-SNN ngày 15/12/2020; Quyết định số 130/QĐ-SNN ngày 11/3/2021; Quyết định số 284/QĐ-SNN ngày 22/4/2021; Kế hoạch số 08/KH-SNN ngày 08/2/2021; Văn bản số 1110/SNN-VP ngày 20/5/2021.

⁸ Kế hoạch số 01/KH-SNN ngày 14/1/2021; Quyết định số 192/QĐ-SNN ngày 26/3/2021; Quyết định số 193/QĐ-SNN ngày 26/3/2021; Văn bản số 712/SNN-VP ngày 06/4/2021; Văn bản số 946/SNN-VP ngày 04/5/2021.

2. Ban hành Kế hoạch khắc phục chỉ số CCHC năm 2020; Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

3. Tăng cường công tác thanh tra công vụ, kiểm tra, đôn đốc công tác cải cách hành chính, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở.

4. Chỉ đạo việc công khai tài chính, giám sát và thực hiện phương án chi, quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định của pháp luật.

5. Tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh việc nộp hồ sơ thủ tục hành chính mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh và Cổng Dịch vụ công của Quốc gia; tăng cường trao đổi văn bản điện tử có sử dụng chữ ký số của công chức, viên chức.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính 06 tháng đầu năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng chuyên môn;
- Các chi cục quản lý chuyên ngành;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Phúc

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TẠI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SNN ngày / / 2021 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	25	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	13	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	19	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	07	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	136	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	113	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	15	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	08	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	136	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	18	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	46	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%		
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	113	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	18	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	113	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	12	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	07	
Trong đó	Số ĐVSNCN thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCN thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	07	
	Số ĐVSNCN thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ ĐVSNCN đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	340	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	336	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	21	HD 68
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	145	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	109	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	07	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức		1	
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	1	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	1	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	02	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	04	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	05	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	02	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	2.055	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	14	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	04	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	87	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	82	